TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 609/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/07/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo
2. Bà Lê Thị Thu Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Đính Kim T – sinh năm 1966

Địa chỉ: 32A, Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Huỳnh Duy Th – sinh năm 1966

Địa chỉ thường trú: 362/532C (số mới 14/13/48), Phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang chấp hành án tại: Tổ A, Phân trại 1, Trại giam số 6 – Bộ Công An, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/10/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Lê Đính Kim T trình bày: Bà và ông Trần Huỳnh Duy Th tự nguyện kết hôn với nhau năm 1992 (Giấy chứng nhận kết hôn số 04/P6; Quyển số 01/92 do UBND Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/1992). Trong thời kỳ hôn nhân, hơn 10 năm nay ông Th phải thụ án tại trại giam, không được sống cùng vợ con. Vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn về quan điểm, lối sống, đời sống vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Có 2 con chung là Trần Lê Bảo Tr – sinh năm 1994 và Trần Lê Bảo Q – sinh năm1995. Hai con chung đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Bị đơn – ông Trần Huỳnh Duy Th trình bày: Ông và bà Lê Đình Kim T, sinh năm 1966; Địa chỉ: 32A, Phường M, Quận D là vợ chồng, ông bà kết hôn với nhau năm 1992. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng bình thường, cũng ổn định tốt có 2 con ngoan hiền, từ 14 năm nay hôn nhân không còn trên thực tế, lý tưởng sống khác nhau nên không còn hạnh phúc, không thể cùng nhau đi trên con đường hạnh phúc nữa. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 2 con chung là Trần Lê Bảo Tr – sinh năm 1994 và Trần Lê Bảo Q – sinh năm 1995. Hai con chung đã trưởng thành, tự lập nên không phải lo nữa.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Trần Huỳnh Duy Th vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Lê Đính Kim T trình bày: Bà và ông Th cách xa nhau đã lâu, hôn nhân không tồn tại trên thực tế, suy nghĩ cũng khác nhau nên bà yêu cầu được ly hôn, hai con chung đã trưởng thành. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thức có nơi cư trú tại quận Tân Bình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà T có mặt. Bị đơn – ông Th có Đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 04/P6; Quyển số 01/92 do UBND Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/1992 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Th do đời sống hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023, ông Th đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Bà Thoa được ly hôn ông Th.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Thông báo số định danh và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an Phường M, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì chị Trần Lê Bảo Tr – sinh ngày 30/03/1994 và Trần Lê Bảo Q – sinh ngày 25/8/1995 là con chung của bà Lê Đính Kim T và

ông Trần Huỳnh Duy Th. Chị Trần Lê Bảo Tr, Trần Lê Bảo Q đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà T, ông Th yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này bà T, ông Th có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Bà T, ông Th xác nhận không có.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Lê Đính Kim Thoa.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Đính Kim T được ly hôn ông Trần Huỳnh Duy Th.

b. Về quan hệ con chung: Có 2 con chung là Trần Lê Bảo Tr – sinh năm 1994 và Trần Lê Bảo Q – sinh năm 1995. Hai con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung: Bà Lê Đính Kim T, ông Trần Huỳnh Duy Th tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà Lê Đính Kim T, ông Trần Huỳnh Duy Th có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Đính Kim T chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Đính Kim T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0008879 ngày 03/03/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Đính Kim T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Huỳnh Duy Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương